

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :290

Sang : Hủ tíu thốt tom móc thốt nam mỗp ca
rot gia hẻ
Sữa grow
Trổa : Côm mam chổng trồng nam meo.
Canh bau tom kho thốt heo nạc ngo rí
Mon luoc: rau đen
Xe: sữa chua
Xe chieu: bun thốt cha ca nam mỗp bap gia
ca rot

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37000				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Tom kho	200	78,100	156,200
2	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
3	Chả cá ba sa	2,000	11,880	23,760
4	Tom bien	1,500	36,020	54,030
5	Móc tổi	1,000	33,500	33,500
6	Nhộc mam Ca (loại 1)	3,000	6,160	18,480
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	18,840
8	Nhông cat	4,000	3,880	15,520
9	Dầu mè	1,000	3,870	3,870
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Mam tom nạc	1,500	15,400	23,100
12	Hạt tiêu	100	31,900	3,190
13	Gạo tẻ may	17,000	2,630	44,710
14	Hủ tíu	16,000	1,820	29,120
15	Ngo (bap) tổi	1,000	4,200	4,200
16	Hạnh lả	1,500	5,460	8,190
17	Hạnh củ tổi	1,500	6,300	9,450
18	Cà rot	5,500	5,780	31,790
19	Nam rôm	1,000	14,180	14,180
20	Rau ngo (Rau mùi)	200	8,930	1,786
21	Gia nấu xanh	2,000	2,730	5,460
22	Hẻ lả	100	5,360	5,360
23	Mỗp	4,000	4,200	16,800
24	Rau đen	3,500	3,780	13,230
25	Bí (bầu)	9,000	3,680	33,120
26	Mọc nhủ (nam meo)	200	16,500	3,300
27	Bun	18,000	1,710	30,780
28	Thốt lớn nạc	12,700	18,480	23,46,960
29	Mô lớn song	2,000	11,030	22,060
30	Trống vọt	13,000	5,400	70,200
31	Yaourt	29,000	5,950	1,72,500
Cong				9,602,380
	*XUAT KHO			
32	Sữa bot Abbot Grow	5,500	20,500	1,12,500
Cong				1,127,500
Tổng tiền thức phẩm				10,729,880 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nhộc chi trong ngày				10730000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				120(đ)
Xuất ăn luy kế tờ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kế tờ nấu tháng				
Tiền chi luy kế tờ nấu tháng				